

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2017/DS-PT

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Phạm Kim Cửa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2017/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2017/QĐPT-DS, ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Anh Phan Văn E, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2017).

Anh Phan Văn E có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp A1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Lê Văn T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đặng Thị Ngọc D, sinh năm 1977 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1955;

Cùng cư trú tại: Ấp A1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Anh Lê Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2017, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 19/4/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Văn E trình bày:

Từ năm 2012 đến tháng 6/2016, bà Lê Thị L và anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Thị Ngọc D có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi. Bà L là bên bán; anh T, chị D là bên mua. Hai bên thỏa thuận khi bán heo thì thanh toán tiền thức ăn. Sau khi tổng kết nợ, anh T, chị D còn nợ bà L số tiền 935.457.000 đồng. Anh T, chị D có hứa trả tiền nợ trong vòng 06 tháng, sau đó đã trả được 165.000.000 đồng, còn lại số tiền 770.457.000 đồng nhưng anh T, chị D không tiếp tục trả nữa. Nay bà L yêu cầu anh T, chị D liên đới trả cho bà L số tiền 770.457.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đặng Thị Ngọc D trình bày:

Anh chị thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi của bà L khoảng hơn 05 năm, hiện còn thiếu lại số tiền như bà L yêu cầu. Anh T, chị D đồng ý liên đới trả cho bà L số tiền 770.457.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ngày 21/4/2017, Tòa án nhân dân huyện M ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 92/2017/QĐ-BPKCTT về "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị L. Nội dung quyết định: "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.404,1m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Ấp A1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (thửa cũ là thửa 2736, tờ bản đồ số 3, diện tích 1366,5m², mục đích sử dụng: đất

trồng cây lâu năm, tọa lạc tại: Ấp A1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre, được điều chỉnh giảm diện tích từ thửa đất số 2736, tờ bản đồ số 3, diện tích 3.000m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2048, tọa lạc tại: Ấp A1, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre). Đất hiện nay do anh Lê Văn T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận ngày 26/7/2006, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H00949)".

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc yêu cầu anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi là 770.457.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền là 770.457.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 92/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí; quyền kháng cáo bản án; quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2017, bị đơn anh Lê Văn T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M vì buộc anh T, chị D phải trả cho bà L số tiền 770.457.000 đồng trong khi hai bên đã thỏa thuận là trả 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ; Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Nguyễn Thị R tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng bản án dân sự sơ thẩm không nêu nội dung nào liên quan đến bà R là chưa xem xét toàn diện vụ án. Tại phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm tuyên vẫn duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là chưa phù hợp quy định pháp luật làm khó khăn cho quá trình thi hành án.

Tại đơn yêu cầu Tòa án xét xử phúc thẩm vắng mặt ngày 27/9/2017, bị đơn anh Lê Văn T trình bày vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại đơn xin yêu cầu Tòa án xét xử phúc thẩm vắng mặt ngày 27/9/2017: Nguyên đơn bà Lê Thị L không đồng ý yêu cầu trả dần tiền nợ 10.000.000 đồng/tháng của phía anh T,

chị D và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời, đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vì lý do: Anh T, chị D thống nhất thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của bà Lê Thị L là 770.457.000 đồng nên việc bà L yêu cầu anh T, chị D trả số tiền nợ nêu trên là có căn cứ. Việc anh T cho rằng đã thỏa thuận với nguyên đơn là trả dần 10.000.000 đồng/ tháng nhưng thấy rằng các bên đương sự có thể thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án về thời gian và cách thức trả nợ. Từ đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D đều thừa nhận có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với bà Lê Thị L và hiện còn thiếu lại bà L số tiền 770.457.000 đồng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận, bà L không cần phải chứng minh. Anh T, chị D thừa nhận là vợ chồng, có đăng ký kết hôn; thừa nhận mua thức ăn chăn nuôi của bà L là để làm kinh tế chung của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T và chị D liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền 770.457.000 đồng là phù hợp.

[2] Anh T, chị D yêu cầu được trả dần tiền nợ mỗi tháng 10.000.000 đồng và được phía nguyên đơn đồng ý. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được thời gian và phương thức trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để ghi nhận.

[3] Vì để đảm bảo cho quá trình thi hành án nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 92/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Trong vụ án này các bên tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản không ảnh hưởng gì đến quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị R nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại đưa bà R tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là xác định thừa tư cách tố tụng. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án

không ảnh hưởng đến quyền lợi của ai, vi phạm này là không nghiêm trọng. Bản án dân sự sơ thẩm đã xem xét toàn diện các chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D liên đới trả cho bà L số tiền 770.457.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của anh Lê Văn T không được chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.818.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị L: 17.409.000 đồng theo biên lai thu số 0007620 ngày 14/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, do kháng cáo không chấp nhận nên anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn T;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Áp dụng Điều 428, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 25, Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc yêu cầu anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D liên đới trả tiền mua thức ăn chăn nuôi là 770.457.000 đồng.

Buộc anh Lê Văn T và chị Đặng Thị Ngọc D liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền là 770.457.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 92/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 91/2017/QĐ-BPBD ngày 21/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị L được nhận lại số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) trong tài khoản số 222004347666 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh Bến Tre - phòng giao dịch M.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn T, chị Đặng Thị Ngọc D phải liên đới chịu là 34.818.000 đồng (ba mươi bốn triệu tám trăm mười tám nghìn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị L số tiền: 17.409.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007620 ngày 14/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011571 ngày 17/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

